

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 300/2018/LĐ-PT
Ngày: 22/3//2018.
V/v Tranh chấp đòi tiền lương
làm thêm giờ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn X.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến D.

Ông Hồ Minh Cường.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy.

Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Bà Thân Trọng Minh Phương là Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 102/LĐPT ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc: “Tranh chấp đòi tiền lương làm thêm giờ”.

Do bản án Lao động sơ thẩm số 1241/2017/LĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh bị nguyên đơn ông Trần Tiến D kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 674/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Tiến D. Sinh năm 1988.

Trú tại: 303/44A đường B, phường O, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Huỳnh Phước H là Luật sư Công ty Luật H.

Địa chỉ: 230 đường T, phường H, quận N, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ngân hàng V.

Trụ sở: 412 đường K, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Bàn Ngọc T1. Sinh năm 1986.

Địa chỉ: 186 đường K, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 59/UQ-PCTT ngày 17/4/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:
Bà Điền Ánh T2 là Luật sư Công ty Luật S.
Địa chỉ: 932 đường D, phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Tiến D có người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị Ngọc X trình bày:

Ông Trần Tiến D là Nhân viên bảo vệ - Phòng Hành chính quản trị tại Ngân hàng P, sau được đổi tên thành Ngân hàng V (sau đây được gọi tắt là Ngân hàng), cụ thể như sau:

- Từ ngày 01/5/2009 đến ngày 30/11/2010: Hợp đồng lao động có xác định thời hạn.
- Từ ngày 01/12/2010 đến nay: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn.
- Mức lương: Tăng qua các thời kỳ.
- Thời gian làm việc: 12 giờ/ngày, 07 ngày/tuần, không được nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ mà chỉ được nghỉ 12 ngày phép/năm.

Mặc dù hoàn thành tốt công việc được giao nhưng Ngân hàng đã không trả cho ông D tiền lương làm thêm giờ (làm thêm 04 giờ/ngày thường, làm thêm 12 giờ/ngày cuối tuần, chỉ trả lương làm thêm giờ ngày lễ, tết) và vẫn yêu cầu ông D trực liên tục ngày đêm với tần suất 12 giờ/ngày, không bố trí ngày nghỉ cuối tuần.

Ngày 09/3/2017, ông D và Ngân hàng đã hòa giải về tranh chấp đòi tiền lương làm thêm giờ nhưng không thành vì Ngân hàng không đồng ý thanh toán lương làm thêm giờ cho ông D.

Nay ông D khởi kiện buộc Ngân hàng thanh toán tiền lương làm thêm giờ và tiền lãi do chậm thanh toán (từ ngày 01/5/2009 đến ngày 30/9/2016) là 504.134.025 đồng.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ngân hàng V có người đại diện theo ủy quyền là ông Bàn Ngọc T1 trình bày:

Ông Trần Tiến D là Nhân viên bảo vệ của Ngân hàng từ ngày 01/4/2009 cho đến nay. Ông D làm việc theo ca trực 12 giờ/ca trong đó 08 giờ được trả theo lương cơ bản + 04 giờ được trả theo mức lương ngoài giờ theo Thỏa ước lao động tập thể của Ngân hàng.

Từ năm 2009 đến năm 2012: Ngân hàng đã thanh toán đủ lương tháng cho ông D gồm cả lương các ngày nghỉ hàng tuần, ngày lễ, tết.

Từ năm 2012 cho đến nay: Được tính lương theo thời gian làm việc.

Trong đó gồm:

- Lương cơ bản: Là lương trong ngày làm việc bình thường trả theo tháng theo quy định được xác định trên cơ sở mức lương tối thiểu.

- Lương ngoài giờ: Tính theo thời gian làm ngoài giờ trong các ngày làm việc bình thường trên cơ sở mức lương tối thiểu vùng.

- Khoản hỗ trợ (nếu có): Là khoản hỗ trợ nhằm đảm bảo thu nhập của cán bộ nhân viên không bị thay đổi so với mức lương đang hưởng.

Ngân hàng xác định đã thanh toán đủ lương cho ông D từ ngày 01/5/2009 đến ngày 30/9/2016. Vì vậy, Ngân hàng không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tiến D.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải nhưng hòa giải không thành do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Tiến D yêu cầu Ngân hàng thanh toán:

- Tiền lương làm thêm giờ (từ ngày 01/5/2009 đến ngày 30/9/2016): 430.948.947 đồng.
- Tiền lãi do chậm thanh toán lương theo mức lãi suất cơ bản 09%/năm (tạm tính từ ngày 01/5/2009 đến ngày 30/9/2016): 148.848.528 đồng.

Tổng cộng: 579.797.475 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Luật sư ông Huỳnh Phước H đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông D vì có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật. Và đề nghị không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng vì:

- Theo Quy chế tiền lương năm 2016 do Ngân hàng ban hành thì mức lương người lao động gồm: Lương theo công việc hoặc chức danh + phụ cấp + khoản khác. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm thì người đại diện cho Ngân hàng đã diễn giải sai thành mức lương người lao động gồm: Lương cơ bản + lương làm thêm giờ + khoản hỗ trợ.

- Căn cứ vào Công văn ngày 29/8/2017 của Bảo hiểm Xã hội quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thì mức lương đóng bảo hiểm xã hội của ông D qua từng năm đều cao hơn mức lương cơ bản của ông D do đại diện Ngân hàng xác định tại phiên tòa sơ thẩm. Như vậy, có cơ sở để khẳng định là Ngân hàng khai báo không chính xác mức lương cơ bản hàng năm của ông D dẫn đến cách tính về tiền lương làm thêm giờ của ông D là không đúng.

- Sở phụ tài khoản lương của ông D là do Ngân hàng tự in và nộp cho Tòa án nên ông D không chấp nhận vì không đảm bảo sự khách quan.

Bị đơn Ngân hàng V và Luật sư bà Điện Ánh T2 trình bày:

- Nội dung thỏa thuận với người lao động và quá trình làm việc của ông D: ông Trần Tiến D làm việc tại Ngân hàng từ ngày 01/4/2009 đến nay.

Ông D được ký 03 hợp đồng lao động: Hợp đồng số 415 ngày 03/7/2009 có thời hạn 06 tháng từ ngày 01/6/2009 đến ngày 01/12/2009; Hợp đồng số 333 ngày

17/12/2009 có thời hạn 12 tháng từ ngày 01/12/2009 đến ngày 01/12/2010; Hiện nay là Hợp đồng số 481 ngày 13/12/2010 không xác định thời hạn.

- Nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng lao động số 481: Thời gian làm việc theo ca trực, thời gian làm việc cụ thể sẽ được điều chỉnh theo từng thời kỳ phù hợp với tình hình của Ngân hàng; Mức lương: bậc 1, hệ số 1,65. Mức lương sẽ được người sử dụng lao động điều chỉnh phù hợp theo vị trí công tác, năng lực và công việc thực hiện của người lao động.

- Theo Thỏa ước lao động tập thể của Ngân hàng đã được ký kết giữa Đại diện người sử dụng lao động và Đại diện người lao động là Ban chấp hành Công đoàn vào ngày 03/3/2009 (đã được đăng ký cho Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận Bình Thạnh), tại điểm a Khoản 2 Điều 9 của Thỏa ước lao động tập thể đã nêu thì thời giờ làm việc của Nhân viên bảo vệ là thực hiện chế độ theo ca trực tương đương 12 giờ/ngày.

- Thực tế quá trình làm việc của ông D: Ông D đã thực hiện công việc bảo vệ từ năm 2009 theo thời gian làm việc 12 giờ/ngày và thời gian nghỉ ngơi theo quy định của Ngân hàng mà không có khiếu nại, ý kiến gì. Tương ứng với thời gian làm việc thì ông D được trả các khoản lương, hỗ trợ tương ứng và ông D cũng không có kiến nghị và thắc mắc qua nhiều năm.

Ngân hàng giải trình về cách tính lương và thu nhập thực lãnh của ông D:

- Theo thỏa thuận với ông D tại Hợp đồng lao động số 481 ngày 13/12/2010.

- Áp dụng theo Quy chế lương ban hành theo Quyết định số 290 năm 2012 và Phụ lục 3.5 thì nhân viên bảo vệ là lao động phổ thông được phân công làm việc theo ca trực do yêu cầu công tác, được tính lương theo thời gian làm việc trong đó gồm:

- + Lương cơ bản: Là lương trong ngày làm việc bình thường trả theo tháng theo quy định, được xác định trên cơ sở mức lương tối thiểu vùng theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

- + Lương ngoài giờ: Tính theo thời gian làm ngoài giờ trong các ngày làm việc bình thường, trên cơ sở mức lương tối thiểu vùng theo quy định.

Như vậy, thu nhập của ông D sẽ bao gồm: Lương cơ bản của ngày làm việc bình thường 08 tiếng + lương làm thêm giờ vào ngày thường 04 tiếng + lương làm thêm giờ vào các ngày nghỉ hàng tuần trong tháng + lương ngày lễ, tết + khoản hỗ trợ.

Diễn giải cụ thể như sau: Nếu người lao động làm việc thêm 04 tiếng vào ngày làm việc bình thường thì lương làm thêm giờ trong ngày làm việc bình thường theo quy định của pháp luật được tính ở mức 150% mức lương trong giờ làm việc bình thường. Trường hợp Ngân hàng không sắp xếp được ngày nghỉ hàng tuần và người lao động đồng ý làm việc thêm trong những ngày này thì người lao động được tính ở mức 200% mức lương trong giờ làm việc bình thường.

- + Căn cứ vào số liệu thống kê của Ngân hàng trích xuất dữ liệu ra được chi tiết bảng cơ cấu thu nhập của ông D từ năm 2013 đến năm 2016. Đối chiếu với bảng sao kê tài khoản lương của ông D thì đều trùng khớp với số tiền ông D được thực lãnh mỗi năm. Như vậy, thu nhập thực lãnh của ông D đã có bao gồm tiền lương làm thêm giờ ngày thường và lương làm thêm giờ các ngày nghỉ hàng tuần trong tháng.

Dẫn chứng cụ thể:

Năm 2013: Tổng thu nhập thực lãnh là 83.891.324 đồng, trong đó có lương làm thêm giờ là 34.165.380 đồng;

Năm 2014: Tổng thu nhập thực lãnh là 86.033.133 đồng, trong đó có lương làm thêm giờ là 39.253.848 đồng;

Năm 2015: Tổng thu nhập thực lãnh là: 88.258.595 đồng, trong đó có lương làm thêm giờ là 44.967.660 đồng;

Năm 2016: Tổng thu nhập thực lãnh là 88.070.018 đồng, trong đó có lương làm thêm giờ là: 44.625.204 đồng.

Dẫn chứng cụ thể một số tháng:

Mức lương cơ bản (08 giờ)	Lương làm thêm ngày thường	Lương làm thêm các ngày nghỉ hàng tuần trong tháng	Hỗ trợ	Đóng BHXH, BHYT, BHTN	Đóng đoàn phí	Thuế TNCN	Thu nhập thực lãnh	Năm
2,350,000	1,762,500	1,084,615	1,624,798	518,465	54,575	115,172	6,133,701	T3/2013
2,700,000	2,025,000	1,246,154	850,759	573,041	54,575		6,194,297	T6/2014
3,100,000	2,325,000	1,430,769	212,523	593,737	56,546		6,418,009	T7/2015

+ Ngân hàng không lưu trừ các số liệu từ năm 2012 trở về trước vì ông D không có bất kỳ khiếu nại về tiền lương làm thêm giờ mà Ngân hàng đã trả trong khoảng thời gian này.

Đề nghị: Theo nội dung đơn khởi kiện, ông D cho rằng Ngân hàng đã không trả cho ông D tiền lương làm thêm giờ (làm thêm 04 giờ/ngày thường, làm thêm 12 giờ/cuối tuần) từ ngày 01/05/2009 đến ngày 30/09/2016 theo bảng kê đính kèm đơn khởi kiện là hoàn toàn không có cơ sở nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của ông D.

Tại bản án Lao động sơ thẩm số 1241/2018/LĐ-PT, ngày 25 tháng 9 năm 2017 Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Khoản 2 Điều 184 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 68 và Điều 69 Bộ luật Lao động năm 1994 (được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ Điều 90, Điều 104 và Điều 106 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tiến D về việc buộc Ngân hàng V thanh toán tiền lương làm thêm giờ và tiền lãi do chậm thanh toán tiền lương làm thêm giờ từ ngày 01/5/2009 đến ngày 30/9/2016 với tổng số tiền là 579.797.475 đồng.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Trần Tiến D được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự

Trong thời hạn luật định ngày 09/10/2017 nguyên đơn ông Trần Tiến D kháng cáo với nội dung:

Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, hoặc sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Tiến D thay đổi nội dung yêu cầu kháng cáo, ông đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do:

Án sơ thẩm dẫn chiếu sai điều luật, chưa thu thập tài liệu chứng cứ tại cơ quan thuế vì cơ quan thuế lưu trữ tiền lương của cán bộ nhân viên. Đối chiếu Điều 97 Bộ luật lao động, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết thiếu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ kiện về tòa án sơ thẩm xét xử lại.

Đại diện bị đơn và Luật sư của bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

Việc nguyên đơn đề nghị hủy án sơ thẩm là không có căn cứ bởi vì cơ quan thuế không lưu trữ chi tiết tiền lương của từng người mà chỉ lưu trữ báo cáo tiền lương của Ngân hàng. Mặt khác, nguyên đơn không đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm điều tra, thu thập chứng cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành điều tra xác minh bổ sung là đúng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề làm thêm giờ ban đêm nên Tòa án không giải quyết. Thỏa thuận của Ngân hàng và người lao động là thời gian làm ca tổng cộng 12 giờ /1 ca là không trái với quy định của Bộ luật lao động, nên bị đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự và Luật sư đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Tiến D nằm trong thời hạn luật định nên chấp nhận kháng cáo hợp lệ và được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc nguyên đơn yêu cầu hủy án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm không điều tra xác minh tại cơ quan thuế. Hội đồng xét xử xét thấy tại Tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn không có đơn đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm điều tra xác minh tại cơ quan thuế nên Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở để tiến hành điều tra xác minh, thu thập chứng cứ tại cơ quan thuế. Mặt khác, các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn xuất trình đầy đủ về tiền lương phù hợp với lời khai của các bên đương sự và phù hợp với luật định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ để xét xử là có căn cứ, vì vậy yêu cầu của nguyên đơn kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm do chưa điều tra, xác minh là không có cơ sở và không được chấp nhận.

Về yêu cầu của đương sự tại đơn khởi kiện, tại các biên bản lấy lời khai, biên bản cung cấp chứng cứ, nguyên đơn không có yêu cầu về thời gian làm đêm, nguyên đơn chỉ đề nghị giải quyết yêu cầu làm thêm giờ, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết và xem xét đầy đủ các yêu cầu của Nguyên đơn là có cơ sở. Về tiền lương của Nguyên đơn, Luật sư của bị đơn và bị đơn đã chứng minh các thỏa ước lao động tập thể, nội dung về các chính sách lao động tiền lương đã được thông báo rộng rãi cho cán bộ công nhân viên trong cổng thông tin của Ngân hàng, hoặc tại các buổi đại hội cán bộ công nhân viên chức. Do đó, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị hủy án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng là không có cơ sở và không được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét quan hệ hợp đồng lao động đã được xác lập giữa các bên:

Căn cứ vào lời khai và chứng cứ do các bên xuất trình xác định các đương sự cùng thừa nhận có ký 03 hợp đồng lao động gồm: Hợp đồng số 415 ngày 03/7/2009; Hợp đồng số 333 ngày 17/12/2009; Hợp đồng số 481 ngày 13/12/2010 và thừa nhận quá trình làm việc của ông D tại Ngân hàng P (từ ngày 13/12/2011 được đổi tên thành Ngân hàng V). Đây là văn bản pháp lý xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ hợp đồng lao động.

Xét nội dung ký kết hợp đồng lao động thể hiện:

- Ông D đã làm việc tại Ngân hàng với công việc là bảo vệ tại Ngân hàng từ ngày 01/4/2009 cho đến nay. Thời gian làm việc của ông D tại Ngân hàng: 12 giờ/ca/ngày và được điều chỉnh ca trực theo sự phân công của Ngân hàng. Mức lương tháng của ông D được xác định theo quy định của Ngân hàng qua các thời kỳ.

Căn cứ vào hợp đồng lao động đã ký kết giữa các bên, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bên ký kết hợp đồng lao động còn chưa thật sự bình đẳng trong việc ký kết hợp đồng lao động. Phía người sử dụng lao động là người chủ động soạn thảo hợp đồng lao động nên khi ký kết hợp đồng lao động còn thể hiện tính chất hành chính quan liêu, bao cấp, các điều khoản còn chung chung, áp đặt với người lao động. Tuy nhiên, người lao động cũng có lỗi là khi ký kết hợp đồng lao động còn thiếu hiểu biết, nhận thấy quyền lợi của mình khi ký kết không đảm bảo nhưng không kiên quyết khiếu nại hoặc kiên quyết không ký hợp đồng mà vẫn tự nguyện ký kết và không có ý kiến gì.

Xét thỏa thuận về thời gian làm việc của ông D: Căn cứ các Điều 68 và Điều 69 Bộ luật Lao động năm 1994 (được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007); Các Điều 104 và Điều 106 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định về thời gian làm việc và thời gian làm thêm giờ đối chiếu với việc ông D và Ngân hàng có thỏa thuận thời gian làm việc 12 giờ/ca/ngày trong đó có 08 giờ làm việc bình thường và 04 giờ làm thêm là phù hợp với quy định pháp luật lao động qua các thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng lao động: Thực tế, ông D đã thực hiện thời gian làm việc như trên và ông D không có bất kỳ ý kiến khiếu nại nào gửi đến Ngân hàng trong quá trình làm việc, nên được xem như ông D đã đồng ý với thỏa thuận này. Hơn nữa, xét tại Công văn số 233/CĐNH ngày 13/6/2017 của Công đoàn Ngân hàng Việt Nam cũng xác định công tác bảo vệ tại Ngân hàng là đặc thù nên giữa người lao động và người sử dụng lao động được quyền thỏa thuận riêng. Mặt khác, căn cứ vào thời hiệu khởi kiện được Bộ luật lao động cũ và mới đều thể hiện từ năm 2015 trở về trước thời hiệu khởi kiện về tiền lương là 01 năm. Tuy nhiên, khi người lao động không đồng ý với cách thức trả lương của người sử dụng lao động nhưng người lao động không có ý kiến gì. Chỉ đến khi người sử dụng lao động có quy chế mới, ca trực giảm xuống 08 giờ/ 01 ngày lúc đó người lao động mới tiến hành khởi kiện vụ án lao động. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng lao động hai bên đã ký kết để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Đối với thời gian làm thêm giờ của ông D vào các ngày lễ, tết:

Xét ông D và Ngân hàng không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ các Điều 308; Điều 313; Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Khoản 2 Điều 184 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 68 và Điều 69 Bộ luật Lao động năm 1994 (được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ Điều 90, Điều 104 và Điều 106 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Tiến D.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Tiến D về việc đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tiến D về việc buộc Ngân hàng V thanh toán tiền lương làm thêm giờ và tiền lãi do chậm thanh toán tiền lương làm thêm giờ từ ngày 01/5/2009 đến ngày 30/9/2016 với tổng số tiền là 579.797.475 đồng.

3. Về án phí lao động sơ thẩm, phúc thẩm:

Ông Trần Tiến D được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao (1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM (1);
- Viện kiểm sát NDTp.HCM (2);
- Cục THA Dân sự Tp.HCM (1);
- Tòa án nhân dân Quận C (2);
- Chi cục THADân sự Quận C (1);
- Các đương sự (7);
- Lưu (10). (25b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Xuân